

DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ TỔNG ĐIỀU TRA
CƠ SỞ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP NĂM 1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
I. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP CHUNG		
1 Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở KT, HC, SN có đến 1-7-1995	Doanh nghiệp; chi nhánh DN; cơ sở kinh tế cá thể; cơ sở HCSN	1/7/1995
2 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/1995
3 Cơ cấu cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/1995
4 Lao động trong các cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/1995
5 Cơ cấu lao động trong cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/1995
6 Cơ cấu lao động trong các cơ sở KT, HC, SN phân theo loại hình tổ chức có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; loại hình tổ chức	1/7/1995
7 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; quy mô lao động	1/7/1995
8 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo đơn vị hành chính và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; quy mô lao động	1/7/1995
9 Lao động trong các cơ sở, số lao động phân theo trình độ đào tạo có đến 1-7-1995	Trình độ đào tạo	1/7/1995
10 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo mức thu nhập bình quân đầu người / tháng trong năm 1994	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	1994
11 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo mức thu nhập bình quân đầu người / tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
12 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế và mức thu nhập bình quân đầu người / tháng trong năm 1994	Ngành kinh tế; Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	1994
13 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế và mức thu nhập bình quân đầu người / tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Ngành kinh tế; Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
14 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo đơn vị hành chính có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1/7/1995
15 Lao động trong các cơ sở KT, HC, SN phân theo đơn vị hành chính có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1/7/1995
16 Cơ cấu Lao động trong các cơ sở KT, HC, SN phân theo đơn vị hành chính có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1/7/1995
17 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo đơn vị hành chính và mức thu nhập bình quân đầu người / tháng trong năm 1994	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	1994
18 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo đơn vị hành chính và mức thu nhập bình quân đầu người / tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
II. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ DOANH NGHIỆP VÀ CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP		
19 Số cơ sở và lao động thuộc các doanh nghiệp có đến 1-7-1995	Doanh nghiệp vốn trong nước; có vốn đầu tư nước ngoài; chi nhánh DN vốn trong nước; chi nhánh DN có vốn đầu tư nước ngoài	1/7/1995
20 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/1995
21 Cơ cấu số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/1995
22 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; quy mô lao động	1/7/1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
23 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; quy mô lao động	1/7/1995
24 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	Ngành kinh tế; Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	1994
25 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Ngành kinh tế; Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
26 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính và mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	1994
27 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính và mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; Thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
28 Lao động trong các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và khu vực vốn	Ngành kinh tế; khu vực vốn	1/1/1995-1/7/1995
29 Lao động trong các doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính và khu vực vốn	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; khu vực vốn	1/1/1995-1/7/1995
30 Lao động trong các doanh nghiệp phân theo trình độ đào tạo	Trình độ đào tạo	1/1/1995-1/7/1995
31 Lao động trong các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và trình độ đào tạo	Trình độ đào tạo; ngành kinh tế	1/1/1995-1/7/1995
32 Lao động không trực tiếp sản xuất trong các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và trình độ đào tạo	Trình độ đào tạo; ngành kinh tế	1/1/1995-1/7/1995
33 Lao động trực tiếp sản xuất trong các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và trình độ đào tạo	Trình độ đào tạo; ngành kinh tế	1/1/1995-1/7/1995
34 Lao động và cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và loại tuyển dụng có đến 1-1-1995	Ngành kinh tế; loại tuyển dụng	1/1/1995
35 Lao động và cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và loại tuyển dụng có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; loại tuyển dụng	1/7/1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
36 Lao động và cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính và loại tuyển dụng có đến 1-1-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại tuyển dụng	1/1/1995
37 Lao động và cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính và loại tuyển dụng có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại tuyển dụng	1/7/1995
38 Số doanh nghiệp và cơ cấu doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế, khu vực vốn và loại hình tổ chức có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; khu vực vốn; loại hình tổ chức	1/7/1995
39 Số doanh nghiệp và cơ cấu doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính, khu vực vốn và loại hình tổ chức có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; khu vực vốn; loại hình tổ chức	1/7/1995
40 Số doanh nghiệp và cơ cấu doanh nghiệp phân theo khu vực vốn và quy mô giá trị tài sản cố định có đến 31-12-1994	Khu vực vốn; quy mô giá trị tài sản cố định	31/12/1994
41 Số doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và quy mô giá trị tài sản cố định có đến 31-12-1994	Ngành kinh tế; quy mô giá trị tài sản cố định	31/12/1994
42 Cơ cấu số doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và quy mô giá trị tài sản cố định có đến 31-12-1994	Ngành kinh tế; quy mô giá trị tài sản cố định	31/12/1994
43 Số doanh nghiệp và cơ cấu doanh nghiệp phân theo khu vực vốn và quy mô tổng nguồn vốn có đến 31-12-1994	Khu vực vốn và quy mô tổng nguồn vốn	31/12/1994
44 Số doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và quy mô tổng nguồn vốn có đến 31-12-1994	Ngành kinh tế; quy mô tổng nguồn vốn	31/12/1994
45 Cơ cấu số doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và quy mô tổng nguồn vốn có đến 31-12-1994	Ngành kinh tế; quy mô tổng nguồn vốn	31/12/1994
46 Số doanh nghiệp và cơ cấu doanh nghiệp phân theo khu vực vốn và quy mô doanh thu năm 1994	Khu vực vốn và quy mô doanh thu	1994
47 Số doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và quy mô doanh thu năm 1994	Ngành kinh tế; quy mô doanh thu	1994
48 Cơ cấu số doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và quy mô doanh thu năm 1994	Ngành kinh tế; quy mô doanh thu	1994
49 Số doanh nghiệp phân theo khu vực vốn, loại hình tổ chức và lợi nhuận năm 1994	Khu vực vốn; loại hình tổ chức; lợi nhuận	1994

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
50 Số doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và lợi nhuận năm 1994	Ngành kinh tế; lợi nhuận	1994
51 Doanh thu và cơ cấu doanh thu của các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế, loại hình tổ chức và khu vực vốn năm 1994	Ngành kinh tế; loại hình tổ chức; khu vực vốn	1994
52 Một số chỉ tiêu chính và cơ cấu của doanh nghiệp phân theo khu vực vốn và loại hình tổ chức	Khu vực vốn; loại hình tổ chức	1994; 6 tháng đầu năm 1995
53 Một số chỉ tiêu chính phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
53 Một số chỉ tiêu chính thuộc khu vực vốn trong nước phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
54 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp nhà nước phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
55 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp nhà nước Trung ương phân theo cơ quan chủ quản	Cơ quan chủ quản	1994; 6 tháng đầu năm 1995
56 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp nhà nước Trung ương phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
57 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp nhà nước địa phương phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
58 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp nhà nước địa phương phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995
59 Cơ cấu một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp nhà nước địa phương phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995
60 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp tập thể phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995
61 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp tư nhân phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
62 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp tư nhân phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
63 Một số chỉ tiêu chính của công ty cổ phần và công ty TNHH phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
64 Một số chỉ tiêu chính của công ty cổ phần và công ty TNHH phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995
65 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
66 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995
67 Cơ cấu một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995
68 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
69 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995
70 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	1994; 6 tháng đầu năm 1995
71 Một số chỉ tiêu chính của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	1994; 6 tháng đầu năm 1995
72 Giám đốc các doanh nghiệp phân theo khu vực vốn, trình độ đào tạo và độ tuổi có đến 1-7-1995	Khu vực vốn; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
73 Giám đốc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế, trình độ đào tạo và độ tuổi có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
74 Cơ cấu giám đốc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế, trình độ đào tạo và độ tuổi có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
75 Giám đốc các doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính, trình độ đào tạo và độ tuổi có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
76 Cơ cấu giám đốc các doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính, trình độ đào tạo và độ tuổi có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
77 Danh sách các doanh nghiệp Nhà nước quy mô lớn	Tài sản cố định; tài sản lưu động; tổng nguồn vốn; doanh thu; nộp ngân sách	1994
78 Một số chỉ tiêu tổng hợp các doanh nghiệp Nhà nước quy mô lớn năm 1994	Lao động; giá trị ts cố định; ts lưu động; tổng nguồn vốn; doanh thu; trị giá nhập khẩu, xuất khẩu trực tiếp; chi phí sxkd; nộp ngân sách NN; lãi, lỗ	1994
79 Một số chỉ tiêu tổng hợp các doanh nghiệp Nhà nước quy mô lớn 6 tháng năm 1995	Lao động; giá trị ts cố định; ts lưu động; tổng nguồn vốn; doanh thu; trị giá nhập khẩu, xuất khẩu trực tiếp; chi phí sxkd; nộp ngân sách NN; lãi, lỗ	6 tháng đầu năm 1995
80 Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn năm 1994	Tổng chi phí sxkd; nguyên vật liệu chính, phụ; nhiên liệu; năng lượng; trích BHXH; lương, phụ cấp; khấu hao TSCĐ; chi phí khác	1994
81 Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn năm 1994	Nguyên vật liệu chính, phụ; nhiên liệu; năng lượng; trích BHXH; lương, phụ cấp; khấu hao TSCĐ; chi phí khác	1994
82 Công nợ của các doanh nghiệp Nhà nước quy mô lớn phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	31/12/1994
83 Một số chỉ tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn năm 1994	Tổng nguồn vốn; doanh thu/ tổng nguồn vốn; nộp ngân sách/ tổng nguồn vốn; lãi/ tổng nguồn vốn	1994
84 Đầu tư nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn từ năm 1993 đến tháng 6 năm 1995	CN khai thác mỏ; Cn chế biến; sx phân phối điện, khí đốt, hơi nước; xây dựng; sửa chữa xe có động cơ; khách sạn nhà hàng; vận tải kho bãi và thông tin liên lạc; tài chính tín dụng; ngành khác	1993 đến 6 tháng đầu năm 1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
85 Vốn đầu tư cho đổi mới kỹ thuật và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn từ năm 1993 đến tháng 6 năm 1995 phân theo ngành kinh tế và nguồn vốn	Ngành kinh tế; nguồn vốn	1993 đến 6 tháng đầu năm 1995
86 Phòng thí nghiệm của các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7//1995
87 Lao động trong phòng thí nghiệm và phòng kỹ thuật của các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn theo ngành kinh tế và trình độ đào tạo có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; trình độ đào tạo	1/7/1995
88 Tình trạng thiết bị nhà xưởng và trình độ kỹ thuật của doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn	Ngành kinh tế; số DN phân theo thời kỳ trang bị máy móc; tình trạng nhà xưởng; trình độ kỹ thuật	1994
89 Cơ cấu tình trạng thiết bị nhà xưởng và trình độ kỹ thuật của doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn	Ngành kinh tế; số DN phân theo thời kỳ trang bị máy móc; tình trạng nhà xưởng; trình độ kỹ thuật	1994
90 Số cơ sở là chi nhánh doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và khu vực vốn có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; khu vực vốn	1/7/1995
91 Số cơ sở là chi nhánh doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính và khu vực vốn có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; khu vực vốn	1/7/1995
92 Lao động trong các chi nhánh doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và khu vực vốn	Ngành kinh tế; khu vực vốn	1/1/1995-1/7/1995
93 Lao động trong các chi nhánh doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính và khu vực vốn	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; khu vực vốn	1/1/1995-1/7/1995
94 Người phụ trách các chi nhánh doanh nghiệp phân theo khu vực vốn, trình độ đào tạo và độ tuổi có đến 1-7-1995	Khu vực vốn; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
95 Người phụ trách các chi nhánh doanh nghiệp phân theo đơn vị hành chính, trình độ đào tạo và độ tuổi có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
III. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ CƠ SỞ KINH TẾ CÁ THỂ		

Tên chỉ tiêu	Phân tử	Độ dài thời gian
96 Số cơ sở kinh tế cá thể phân theo ngành kinh tế, đăng ký kinh doanh và thuế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; đăng ký kinh doanh; thuế	1/7/1995
97 Cơ sở KTCT phân theo đơn vị hành chính, đăng ký kinh doanh và thuế có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; đăng ký kinh doanh; thuế	1/7/1995
98 Lao động trong các cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế, loại lao động và trình độ đào tạo có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; loại lao động; trình độ đào tạo	1/7/1995
99 Cơ cấu lao động trong các cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế, loại lao động và trình độ đào tạo có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; loại lao động; trình độ đào tạo	1/7/1995
100 Lao động trong các cơ sở KTCT phân theo đơn vị hành chính, loại lao động và trình độ đào tạo có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại lao động; trình độ đào tạo	1/7/1995
101 Cơ cấu lao động trong các cơ sở KTCT phân theo đơn vị hành chính, loại lao động và trình độ đào tạo có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại lao động; trình độ đào tạo	1/7/1995
102 Số cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; quy mô lao động	1/7/1995
103 Số cơ sở KTCT phân theo đơn vị hành chính và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; quy mô lao động	1/7/1995
104 Cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế và doanh thu tháng 6 năm 1995	Ngành kinh tế; doanh thu 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
105 Cơ cấu số cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế và doanh thu tháng 6 năm 1995	Ngành kinh tế; doanh thu 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
106 Số cơ sở KTCT phân theo đơn vị hành chính và doanh thu tháng 6 năm 1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; doanh thu 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
107 Cơ cấu số cơ sở KTCT phân theo đơn vị hành chính và doanh thu tháng 6 năm 1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; doanh thu 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
108 Cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế và mức thuế đã nộp 6 tháng đầu năm 1995	Ngành kinh tế; mức thuế đã nộp 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
109 Số cơ sở KTCT phân theo đơn vị hành chính và mức thuế đã nộp 6 tháng đầu năm 1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; mức thuế đã nộp 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
110 Doanh thu, thuế và các khoản đã nộp của các cơ sở kinh tế cá thể phân theo ngành kinh tế	Ngành kinh tế	6 tháng đầu năm 1995
111 Doanh thu, thuế và các khoản đã nộp của các cơ sở kinh tế cá thể phân theo đơn vị hành chính	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố	6 tháng đầu năm 1995
IV. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ CƠ SỞ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP		
111 Số cơ sở và số lao động của các đơn vị HCSN	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; cơ quan Đảng đoàn thể, hiệp hội	1/7/1995
112 Số CSHCSN phân theo ngành hoạt động, loại hình tổ chức và cấp quản lý có đến 1-7-1995	Ngành hoạt động; loại hình tổ chức; cấp quản lý	1/7/1995
113 Cơ sở HCSN phân theo đơn vị hành chính, loại hình tổ chức và cấp quản lý có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại hình tổ chức; cấp quản lý	1/7/1995
114 Số CSHCSN phân theo đơn vị hành chính và mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	1994
115 Số CSHCSN phân theo đơn vị hành chính và mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
116 Cơ quan hành chính, sự nghiệp phân theo đơn vị hành chính, loại hình tổ chức và cấp quản lý có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại hình tổ chức; cấp quản lý	1/7/1995
117 Cơ quan hành chính, sự nghiệp phân theo ngành hoạt động, loại hình tổ chức và cấp quản lý có đến 1-7-1995	Ngành hoạt động; loại hình tổ chức; cấp quản lý	1/7/1995
118 Cơ quan hành chính, sự nghiệp phân theo đơn vị hành chính, và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; quy mô lao động	1/7/1995
119 Cơ quan hành chính, sự nghiệp phân theo ngành hoạt động, quy mô lao động có đến 1-7-1995	Ngành hoạt động; quy mô lao động	1/7/1995
120 Số chi nhánh của các cơ quan hành chính, sự nghiệp phân theo đơn vị hành chính, loại hình tổ chức và cấp quản lý có đến 1-	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại hình tổ chức; cấp quản lý	1/7/1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
7-1995		
121 Số chi nhánh của các cơ quan hành chính, sự nghiệp phân theo ngành hoạt động, loại hình tổ chức và cấp quản lý có đến 1-7-1995	Ngành hoạt động; loại hình tổ chức; cấp quản lý	1/7/1995
122 Số chi nhánh của các cơ quan hành chính, sự nghiệp phân theo đơn vị hành chính, và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; quy mô lao động	1/7/1995
123 Số chi nhánh của các cơ quan hành chính, sự nghiệp phân theo ngành hoạt động, và quy mô lao động có đến 1-7-1995	Ngành hoạt động; quy mô lao động	1/7/1995
124 Lao động trong các cơ sở HCSN phân theo ngành hoạt động và cấp quản lý	Ngành hoạt động; cấp quản lý	1/7/1995
125 Lao động trong các cơ sở HCSN phân theo đơn vị hành chính và cấp quản lý	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; cấp quản lý	1/1/1995-1/7/1995
126 Cơ cấu lao động trong các cơ sở HCSN phân theo đơn vị hành chính và cấp quản lý	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; cấp quản lý	1/1/1995-1/7/1995
127 Lao động trong các cơ sở HC phân theo đơn vị hành chính và cấp quản lý	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; cấp quản lý	1/1/1995-1/7/1995
128 Lao động trong các cơ sở SN phân theo đơn vị hành chính và cấp quản lý	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; cấp quản lý	1/1/1995-1/7/1995
129 Lao động trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, hiệp hội phân theo đơn vị hành chính và cấp quản lý	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; cấp quản lý	1/1/1995-1/7/1995
130 Lao động trong các cơ sở HCSN phân theo loại hình tổ chức, cấp quản lý và trình độ đào tạo	Loại hình tổ chức; cấp quản lý; trình độ đào tạo	1/1/1995-1/7/1995
131 Cơ cấu lao động trong các cơ sở HCSN phân theo loại hình tổ chức, cấp quản lý và trình độ đào tạo	Loại hình tổ chức; cấp quản lý; trình độ đào tạo	1/1/1995-1/7/1995
132 Lao động cơ quan HCSN phân theo đơn vị hành chính và loại tuyển dụng	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại tuyển dụng	1/1/1995-1/7/1995
133 Giám đốc cơ sở hành chính sự nghiệp phân theo loại hình tổ chức, cấp quản lý và độ tuổi có đến 1-7-1995	Loại hình tổ chức; cấp quản lý; độ tuổi	1/7/1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
134 Cơ cấu giám đốc cơ sở hành chính sự nghiệp phân theo loại hình tổ chức, cấp quản lý và độ tuổi có đến 1-7-1995	Loại hình tổ chức; cấp quản lý; độ tuổi	1/7/1995
135 Lao động trong các cơ quan HCSN phân theo đơn vị hành chính, loại hình tổ chức, cấp quản lý có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại hình tổ chức; cấp quản lý	1/7/1995
136 Lao động trong các cơ quan HCSN phân theo đơn vị hành chính, và loại hình đào tạo có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại hình đào tạo	1/7/1995
137 Giám đốc cơ sở hành chính sự nghiệp phân theo ngành hoạt động, trình độ đào tạo và độ tuổi	Ngành hoạt động; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
138 Giám đốc cơ sở hành chính sự nghiệp phân theo đơn vị hành chính, trình độ đào tạo và độ tuổi	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
139 Lao động trong các chi nhánh cơ sở HCSN phân theo đơn vị hành chính, loại hình tổ chức, cấp quản lý có đến 1-7-1995	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; loại hình tổ chức; cấp quản lý	1/7/1995
140 Giám đốc các chi nhánh của các cơ quan hành chính sự nghiệp phân theo ngành hoạt động, trình độ đào tạo và độ tuổi	Ngành hoạt động; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
141 Giám đốc các chi nhánh của các cơ quan hành chính sự nghiệp phân theo đơn vị hành chính, trình độ đào tạo và độ tuổi	Vùng kinh tế; tỉnh/ thành phố; trình độ đào tạo; độ tuổi	1/7/1995
V. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP THEO TỈNH/THÀNH PHỐ		
142 Số cơ sở, số lao động trong các cơ sở KT, HC, SN có đến 1-7-1995	Doanh nghiệp; chi nhánh doanh nghiệp; cơ sở kinh tế cá thể; cơ quan HCSN, Đảng, đoàn thể, hiệp hội; chi nhánh của các cơ quan HCSN	1/7/2015
143 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/2015
144 Số lao động trong các cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/2015
145 Lao động trong các cơ sở KT, HC, SN phân theo trình độ đào tạo có đến 1-7-1995	Trình độ đào tạo	1/7/2015

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
146 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	Mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong năm 1994	1994
147 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
148 Số cơ sở KT, HC, SN phân theo ngành kinh tế và mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Ngành kinh tế; Mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
149 Số cơ sở và số lao động trong các cơ sở KT, HC, SN phân theo đơn vị hành chính có đến 1-7-1995	Huyện/ thị xã	1/7/1995
150 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế	1/7/1995
151 Số cơ sở thuộc các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế, đơn vị hành chính và mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 tháng đầu năm 1995	Ngành kinh tế; huyện/ thị xã; Mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng trong 6 đầu năm 1995	6 tháng đầu năm 1995
152 Lao động trong các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế và khu vực vốn	Ngành kinh tế; khu vực vốn	1/1/1995-1/7/1995
153 Lao động trong các doanh nghiệp phân theo loại hình tổ chức, ngành kinh tế và trình độ đào tạo	Loại hình tổ chức; ngành kinh tế; trình độ đào tạo	1/1/1995-1/7/1995
154 Số doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế; đơn vị hành chính; và khu vực vốn và loại hình doanh nghiệp có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; huyện/ thị xã; khu vực vốn; loại hình doanh nghiệp	1/7/1995
155 Số doanh nghiệp phân theo khu vực vốn và quy mô giá trị tài sản cố định có đến 31-12-1994	Khu vực vốn; quy mô giá trị tài sản cố định	31/12/1994
156 Số doanh nghiệp phân theo khu vực vốn và quy mô tổng nguồn vốn có đến 31-12-1994	Khu vực vốn; quy mô tổng nguồn vốn	31/12/1994
157 Số cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế, đơn vị hành chính, đăng ký kinh doanh và thuế có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; huyện/ thị xã; đăng ký kinh doanh; thuế	1/7/1995
158 Lao động trong các cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế, đơn vị hành chính và trình độ đào tạo có đến 1-7-1995	Ngành kinh tế; huyện/ thị xã; trình độ đào tạo	1/7/1995

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
159 Số cơ sở KTCT phân theo ngành kinh tế và mức doanh thu trong tháng 6 năm 1995	Ngành kinh tế; mức doanh thu trong tháng 6 năm 1995	6/1995
160 Số cơ sở và số lao động của các đơn vị hành chính, sự nghiệp	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; cơ quan Đảng, đoàn thể, hiệp hội	1/7/1995
161 Số cơ sở HCSN phân theo ngành hoạt động, đơn vị hành chính và cấp quản lý có đến 1-7-1995	Ngành hoạt động; huyện/ thị xã; cấp quản lý	1/7/1995